TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:35a/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 8 - 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Xô

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị H Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm C1 khai vụ án thụ lý số 140/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị C, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Phố Ga, thị trấn P, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đỗ H, sinh năm 1975. Có mặt.

Hộ khẩu thường trú: KDC H1 1, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Đỗ H kết hôn với nhau vào ngày 06 tháng 3 năm 2003, được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến vài năm gần đây anh H rượu chè, cờ bạc, không những vậy còn bạo hành đánh đập chị và các con. Cuối năm 2020 chị đã phải thuê nhà khác ở, mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế giữa chị và anh H hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Anh Nguyễn Đỗ H trình bày: Anh kết hôn cùng chị Lê Thị C vào ngày 06/3/2003 tại UBND thị trấn P, Kim Thành, Hải Dương, trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, cũng như về phương thức làm ăn. Vợ chồng va chạm dẫn đến chán nản, nên anh có chơi bời dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Năm 2014 gia đình có trang trải, cho anh sang Trung Đông lao động được hơn một năm không lao động được anh lại trở về nước. Kể từ khi về nước, vợ chồng không có tình cảm, thường xuyên xung đột về tình cảm cũng như kinh tế. Tháng 10/2020 vợ chồng va chạm, anh có đuổi chị C ra khỏi nhà, sau đó anh có ra tìm và động viên chị C về nhà. Cuối tháng 11/2020 chị C về, vợ chồng vẫn không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, anh bảo chị C cãi, nên anh lại đuổi chị C ra khỏi nhà từ tháng 12/2020 cho đến nay. Mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay chị C xin ly hôn, anh suy nghĩ về con nên anh không nhất trí ly hôn cùng chị C. Anh chỉ đồng ý ly thân để các con đỡ khổ.

Về con chung: Chị C và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Đỗ C1, sinh ngày 20/8/2003 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 27/01/2007. Chị C đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H đề nghị nếu chị C đồng ý ly thân thì anh nhất trí để cho chị C nuôi dưỡng con chung, còn việc cấp dưỡng nuôi con chung thì anh không có khả năng chu cấp.

Các cháu C1, Hoa đều xác định: Anh H luôn bạo hành đến thể xác và tinh thần của chị C, làm ảnh hưởng đến việc học tập cũng như cuộc sống bình thường của các cháu. Nay anh H chỉ đồng ý ly thân với chị C vì lý do vì các cháu là không đúng. Sống chung với anh H là sự áp lực, căng thẳng cả về thể chất và tinh thần cho cả chị C và các cháu. Hiện các cháu đều đang ở với mẹ, nên nếu chị C được ly hôn anh H thì các cháu đều có nguyện vọng xin được ở cùng chị C.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị C và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương thị trấn P cung cấp: Chị C và anh H kết hôn với nhau ngày 06/3/2003, được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Kim Thành, Hải Dương. Hiện chị C có nghề nghiệp và cư trú ổn định tại địa phương. Còn anh H không đăng ký hộ khẩu cũng như không đăng ký tạm trú tại Phố Ga, thị trấn P, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Hiện anh H lúc đi, lúc về tại khu vực này, không có nghề nghiệp ổn định; lao động tự do tại đâu địa phương không quản lý. Nay chị C xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung thì địa phương đề nghị Tòa án K xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Xác minh tại C1 an phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương cung cấp: Anh Nguyễn Đỗ H, sinh năm 1975 có hộ khẩu thường trú tại khu dân cư H1 1, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Được thể hiện qua việc tra cứu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hiện nhân khẩu của anh H vẫn do C1 an phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương quản lý.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C và anh H đều có mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Đối với cháu Nguyễn Đỗ C1 đã đủ tuổi trưởng thành, đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Đỗ H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 27/01/2007 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Hoa đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Đỗ C1, sinh ngày 20/8/2003 đã đủ tuổi trưởng thành. Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C đối với anh Nguyễn Đỗ H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết anh Nguyễn Đỗ H có đơn lựa chọn TAND thị xã K giải quyết việc ly hôn. Tại phiên tòa anh H, chị C đều có mặt. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương xem xét giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C kết hôn với anh Nguyễn Đỗ H trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị C đề nghị xin ly hôn anh H, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Dẫn đến việc anh H bạo hành cả về mặt tinh thần cũng như thể chất của chị C. Cuối năm 2020 chị C và anh H đã tự sống ly thân.

Quá trình Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị C giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh H đều không nhất trí và chỉ đề nghị được ly thân. Những điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị C và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, yêu cầu của anh H không được luật pháp quy định. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Nguyễn Đỗ H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị C và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Đỗ C1, sinh ngày 20/8/2003 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 27/01/2007. Xét yêu cầu và nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của các bên, cùng để đảm bảo cho sự ổn định của các cháu, nên giao cháu Hoa cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu Nguyễn Đỗ C1 đã đủ tuổi trưởng thành, đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị C phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Đỗ H.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 27/01/2007 cho chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Hoa đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với cháu Nguyễn Đỗ C1, sinh ngày 20/8/2003, đã đủ tuổi trưởng thành các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị C phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0006057 ngày 17/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Chị C đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Đỗ H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND thị trấn P, Kim Thành,H.D;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền